

Bản án số: 53/2017/HS-ST
Ngày: 24-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Ngọc Khanh

2- Bà Nguyễn Thị Hằng Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trí Dũng- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2017/HS-ST ngày 20-7-2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2017/QĐST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Danh Xuân Đ, sinh năm 1984 tại tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Khu phố T, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Danh Văn T (đã chết) và bà Trương Thị L; có vợ và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền sự, tiền án: Không; tại ngoại. “Có mặt”

Bị hại: Cháu Dương Thị Hoàng T, sinh ngày 09-8-2004

Trú tại: Tổ A, ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Dương Văn T, sinh năm 1934 và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1943. Trú tại: Tổ A, ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại: Ông Lê Minh P- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị S, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ A, Khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

Người làm chứng:

- Bà Bùi Thị A, sinh năm 1968

Trú tại: Tổ A, ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

- Ông Dương Thành T, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ A, ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 15-3-2017 bị cáo Đ đi bộ đến nhà anh ruột là Danh Xuân T, trú tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để nhờ chở về nhà. Do anh Tùng không có xe máy chở về nên bị cáo đi bộ về lại, khi đi ngang qua nhà ông Dương Văn T, nhìn qua cửa sổ không đóng, bị cáo thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1s Gold của cháu Dương Thị Hoàng T để trên giường, nên bị cáo dùng tay lấy bỏ vào túi quần rồi đi về. Đến chiều cùng ngày, bị cáo đến tiệm cầm đồ Hồng S do chị Trần Thị S làm chủ cầm được số tiền 1.500.000đ và tiêu xài cá nhân.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Danh Xuân Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Về kết luận định giá: Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 07-4-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng- Ủy ban nhân dân huyện Xuyên Mộc kết luận trị giá chiếc điện thoại hiệu OPPO F1s Gold là 5.220.283đ. (Bút lục số 35, 36, 37):

Giá trị tài sản mà bị cáo Đ đã chiếm đoạt của cháu T là 5.220.283đ (Năm triệu hai trăm hai mươi ngàn hai trăm tám mươi ba đồng)

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến khiếu nại về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại là cháu T, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp

pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Kiểm sát viên đề nghị không xem xét

Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1s Gold đã trao trả lại cho bị hại.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có yêu cầu, Kiểm sát viên đề nghị không xem xét.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố tại Bản cáo trạng số 53/KSĐT ngày 17-7-2017, cụ thể:

Truy tố: Danh Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1, Điều 173, Điều 33, Điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù.

** Phần bồi thường dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bà Trần Thị S số tiền 1.500.000đ, bà S không yêu cầu nên không xem xét.*

** Về vật chứng vụ án: Chiếc điện thoại di động đã thu hồi trao trả cho bị hại nên không xem xét.*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đ: Xin xử mức án nhẹ để về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuyên Mộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Khoảng 08 giờ ngày 15-3-2017 bị cáo Đ lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1s Gold của cháu T tại nhà ông T thuộc ấp Thanh Sơn 2A, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà

Rịa - Vũng Tàu trị giá 5.220.283đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”. Như vậy, hành vi bị cáo lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại có giá trị là 5.220.283đ đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội được áp dụng. Theo hướng dẫn tại điểm b Mục 2 của Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Bộ Tư pháp- Bộ Công an thì Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tối thiểu bằng nhau (đều quy định từ 06 tháng đến 03 năm) nhưng mức tối đa của khung hình phạt nặng nhất được quy định trong Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là “tù chung thân”, còn trong Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là “20 năm”. Như vậy, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định hình phạt nặng hơn Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng để xử lý bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; đã bồi thường thiệt hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, h, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Khi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo không biết điện thoại là của cháu Dương Thị Hoàng T, sinh năm 2004, nên không thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội nên không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo có thời gian thử thách, giao bị cáo về địa phương giám

sát, giáo dục là đủ phòng ngừa, răn đe.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, g, h khoản 1 Điều 46, xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 48 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[7] Không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo nhất thời phạm tội theo hướng dẫn tại Mục 6 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Sau khi chiếm đoạt chiếc điện thoại, bị cáo cầm cố tại tiệm Hồng Sâm do bà Trần Thị S làm chủ với số tiền 1.500.000đ. Sau đó, bị cáo đã bồi thường số tiền trên cho bà S.

[9] Tại phiên tòa, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ người và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1s Gold đã thu hồi trả lại cho bị hại.

[11] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không xem xét là có căn cứ, nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Danh Xuân Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144 của Quốc hội; điểm b, p, g, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Xử phạt: Bị cáo Danh Xuân Đ 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (24-8-2017)

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện M, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Án phí: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR- VT;
- Công an tỉnh BR- VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trần Hiển

